

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

Bản án số: 97/2026/HS-ST
Ngày: 20-5-2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Châu Loan

Bà Phạm Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HS ngày 29-4-2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị T, sinh ngày 27-9-1986; căn cước công dân số 036186009261; nơi thường trú và cư trú: Tổ dân phố V, phường T, tỉnh Ninh Bình; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị O; chồng: Trần Thanh H (đã ly hôn); có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28-12-2025, đến ngày 06-01-2026 chuyển tạm giam; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 3 Công an tỉnh N; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường T, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2025, Trần Thị T vay của bà Trần Thị L số tiền 350.000.000 đồng. Do không có tiền trả nợ nên Trần Thị T nảy sinh ý định thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà T đang ở thuê để bán

trả nợ cho bà L. T lên mạng xã hội cung cấp thông tin địa chỉ, diện tích thửa đất và số căn cước công dân của mình cho một người qua tài khoản Facebook để đặt mua một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mảnh đất và căn nhà T đang ở với giá 3.500.000 đồng. Ngày 13-11-2025, Thu nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AA221526, cấp ngày 22-10-2025 của thửa đất số 428, tờ bản đồ số 15.4, diện tích 48m², địa chỉ: Ngõ F đường D, tổ dân phố C, phường T, tỉnh Ninh Bình qua hình thức giao hàng nhanh.

Ngày 14-11-2025, T gặp và đưa cho bà L xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AA221526, nói sẽ bán căn nhà mình đang ở với giá 1.100.000.000 đồng. Bà L xem thấy đúng địa chỉ căn nhà T đang ở nên đã đồng ý mua. T viết giấy đặt cọc số tiền 700.000.000 đồng. Bà L đưa trước cho T 50.000.000 đồng. Đến ngày 18-11-2025, bà L tiếp tục đưa cho T 110.000.000 đồng.

Ngày 26-12-2025, bà L đến Văn phòng C, địa chỉ số F P, phường N, tỉnh Ninh Bình để làm thủ tục sang tên căn nhà. Quá trình kiểm tra, nhân viên văn phòng C phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên bà L đã đến Công an phường N, tỉnh Ninh Bình tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Thị T và giao nộp giấy bán nhà, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA221526.

Ngày 27-12-2025, Trần Thị T đến Công an phường N, tỉnh Ninh Bình đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản kết luận giám định số 443/KL-KTHS ngày 06-01-2026 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA221526 là giả; Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị T tại giấy bán nhà so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị T tại mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Về trách nhiệm dân sự: Do được Trần Thị Thu tác Đ nên bố đẻ của T là ông Trần Văn S đã bồi thường cho bà Trần Thị L 160.000.000 đồng, bà L đã nhận đủ số tiền và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Thị T.

Đối với đối tượng đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Trần Thị T, cơ quan điều tra chưa xác định được nên chưa có căn cứ xử lý.

Bản cáo trạng số 137/CT-VKS-KV7 ngày 31-3-2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình truy tố Trần Thị Thu tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Ninh Bình giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị T về tội danh và điều luật như Bản cáo trạng.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu P các tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt:

+ Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”:

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về tổng hợp hình phạt của hai tội: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo một điện thoại Iphone 15 Promax có gắn sim số 058877333 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Thị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh:*

Do nợ tiền bà Trần Thị L và nhiều người khác nhưng không có khả năng trả nợ nên Trần Thị T đã đặt mua một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số AA1526, cấp ngày 22-10-2025 của thửa đất số 428, tờ bản đồ số 15.4, diện tích 48m², địa chỉ ngõ F đường D, TDP C, phường T, tỉnh Ninh Bình là nhà do T đang thuê đứng tên mình, mục đích để bán nhà lấy tiền trả nợ. Bị cáo Trần Thị T là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc dù biết rõ hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của mình là phạm tội nhưng vì muốn có tiền để trả nợ nên bị cáo vẫn sử dụng tài liệu giả này và dùng thủ đoạn gian dối nói với bà Trần Thị L là nhà ngõ F đường D, TDP C, phường T, tỉnh Ninh Bình là nhà của T và làm thủ tục mua bán nhà và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà Trần Thị L. Bà L tin tưởng nên đã giao cho T tiền đặt cọc mua nhà là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng. Sau khi nhận tiền đặt cọc T đã ăn tiêu hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Thị T tại phiên tòa còn được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của bị hại; lời khai người làm chứng; biên bản giao, nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; kết luận giám định; cùng tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. *Về tình tiết định khung tăng nặng:*

- Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Bị cáo Trần Thị T có hành vi gian dối chiếm đoạt của bà Trần Thị L 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng nên hành vi của bị cáo Trần Thị Thu Đ1 dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Đối với hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”:

Bị cáo Trần Thị T sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là loại tội phạm nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo Trần Thị Thu Đ1 dấu hiệu cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Thị T:*

3.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

3.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thị T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường dân sự cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bố đẻ bị cáo là bệnh binh và được tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[4]. *Về hình phạt:*

4.1. *Về hình phạt chính:*

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Bị cáo phạm loại tội nghiêm trọng nên cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không

có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt nên quyết định mức hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt như Kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

- Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm loại tội nghiêm trọng nên cần áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm nói chung trên địa bàn. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt nên quyết định mức hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên đề xuất là phù hợp.

4.2. Về tổng hợp hình phạt của hai tội:

Bị cáo Trần Thị T bị xét xử cùng một lần về hai tội và cả hai tội cùng bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Thị T phải chịu hình phạt chung của cả hai tội theo nguyên tắc cộng hình phạt của cả hai tội thành hình phạt chung.

4.2. Hình phạt bổ sung:

Xét bị cáo Trần Thị T không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo đối với cả hai tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về vấn đề dân sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Do được bị cáo tác động nên bố đẻ bị cáo là ông Trần Văn S đã bồi thường cho bị hại là bà Trần Thị L số tiền bị cáo Trần Thị T chiếm đoạt của bà L là 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng. Bà Trần Thị L đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự. Ông Trần Văn S có đơn trình bày về việc tự nguyện bồi thường cho bị cáo Trần Thị T và không yêu cầu T phải hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho bị hại. Ông Trần Văn S đề nghị Tòa án không xác định ông tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[6] Về xử lý vật chứng:

Một điện thoại Iphone 15 Promax có gắn sim số 058877333 đã thu giữ xét đây là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội; căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại đã thu giữ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị T bị kết án nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 02 (hai) năm tù tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 03 (ba) năm tù tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

4. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành hình phạt chung của tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là 05 (năm) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 28-12-2025.

5. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Trần Thị T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Promax có gắn sim số 058877333 đã qua sử dụng, được niêm phong dán kín trong phong bì thư nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Ninh Bình)

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Bị cáo Trần Thị T có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Ninh Bình
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Mai Anh